

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 28/8/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, ĐKHKT và trú tại: xóm 12, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; ĐKHKT và chỗ ở: xóm 12, xã Đ, huyện K (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang, là quê của chị T1. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 12, xã Đ. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn anh và chị T1 đã sống ly thân từ năm 2018.

Theo anh T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế. Anh chị nhiều lần tự hòa giải, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy anh chị đã sống ly thân từ năm 2018, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T1 để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung : Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Cao S, sinh ngày 02/01/2011 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 17/02/2016. Hiện cháu S đang ở với anh T còn cháu N đang ở với chị T1. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp

tục nuôi dưỡng cháu S, đề chị T1 nuôi dưỡng cháu N, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trong văn bản trình bày ý kiến ngày 29/7/2020 trình bày: Chị xác nhận về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Vợ chồng chị trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, xô xát với nhau. Do vậy vợ chồng đã sống ly thân năm 2018, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị, chị nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết để chị ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị T1 xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Cao S, sinh ngày 02/01/2011 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 17/02/2016. Hiện cháu S đang ở với anh T còn cháu N đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, đề anh T nuôi dưỡng cháu S, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Chị T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết

Do công việc nên anh T, chị T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Cao S sinh ngày 02/01/2011 thuộc trường hợp Tòa án hỏi ý kiến theo quy định của Bộ luật TTDS thì cháu có nguyện vọng được ở với anh T khi bố mẹ ly hôn

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1; giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Cao S, sinh ngày 02/01/2011, giao cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 17/02/2016, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Nguyễn Thị T1, cư trú tại xóm 12, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, bị đơn đều được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ và có đơn xin xét

xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND A, huyện T, tỉnh Bắc Giang, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Cả anh T và chị T1 đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh T và chị T1 tại UBND xã Đ là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận anh T và chị T1 có xảy ra mâu thuẫn và hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa.

Như vậy, thực tế anh T và chị T1 có xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được mà còn nặng nề hơn. Hai bên đã có thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ và đến nay anh T, chị T1 đều xác định không thể quay về chung sống với nhau được nữa.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T, chị T1 hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh T giải quyết ly hôn chị T1 là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1 đều xác định có 02 con chung là Nguyễn Cao S, sinh ngày 02/01/2011 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 17/02/2016. Hiện cháu S đang ở với anh T còn cháu N đang ở với chị T1.

Khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, đề chị T1 nuôi dưỡng cháu N, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị T1 cũng có ý kiến nhất trí với yêu cầu của anh T.

Thực tế từ khi sống ly thân, cháu S vẫn đang do anh T nuôi dưỡng, cháu N do chị T1 nuôi dưỡng, cuộc sống của các cháu đều được đảm bảo. Con chung của vợ chồng là Nguyễn Cao S khi được hỏi thì cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Như vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con chung cũng như tôn trọng nguyện vọng của cháu S thì việc giao cháu S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau là phù hợp

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét vấn đề này.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

2/ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Cao S, sinh ngày 02/01/2011, giao chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 17/02/2016. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2381 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh